

**Các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ tập trung thương mại
của Việt Nam với Asean+3**

T.S Từ Thúy Anh

Th.S Đào Nguyên Thắng

Nghiên cứu của CEPR

Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với Asean+3

TS. Từ Thuý Anh¹

Ths. Đào Nguyên Thắng²

Tóm tắt

Trong điều kiện hợp tác kinh tế đặc biệt là hợp tác thương mại trong khu vực ASEAN và ASEAN+3 (bao gồm 10 nước ASEAN và ba nước Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản) đang ngày càng gia tăng, thương mại của Việt Nam với các nước ASEAN+3 cũng đang tăng lên nhanh chóng. Mức độ tập trung thương mại - tỷ trọng kim ngạch thương mại giữa hai nước so với tổng kim ngạch thương mại của một nước - của Việt Nam với ASEAN+3 đang tăng mạnh³. Tuy nhiên, mức độ tập trung thương mại gia tăng giữa các nước thành viên khác nhau do nhiều nguyên nhân khác nhau gây ra. Mức độ tập trung thương mại gia tăng có thể là do các nhân tố vĩ mô tăng lên ví dụ như GDP hoặc GDP bình quân đầu người tăng lên. Mức độ tập trung thương mại cũng có thể tăng lên do các nguyên nhân khác, chẳng hạn như các hiệp định thương mại tự do giữa các quốc gia... Bài viết này sẽ sử dụng mô hình hấp dẫn chuẩn tắc (gravity model) với số liệu thống kê thương mại của Tổng Cục Hải Quan từ năm 1998 đến năm 2005 để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với các nước ASEAN+3.

Quan điểm được trình bày trong bài nghiên cứu này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của CEPR.

¹ Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế, trường ĐH Ngoại Thương Hà Nội, Cộng tác viên của CEPR.

² Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (CEPR), trường ĐH Kinh Tế, ĐHQGHN.

³ Mức độ tập trung thương mại của Việt Nam và ASEAN+3, Nguyễn Văn Hồng và Đào Ngọc Tiến, *Tạp chí Kinh tế Đối Ngoại*, tháng 11 năm 2008.

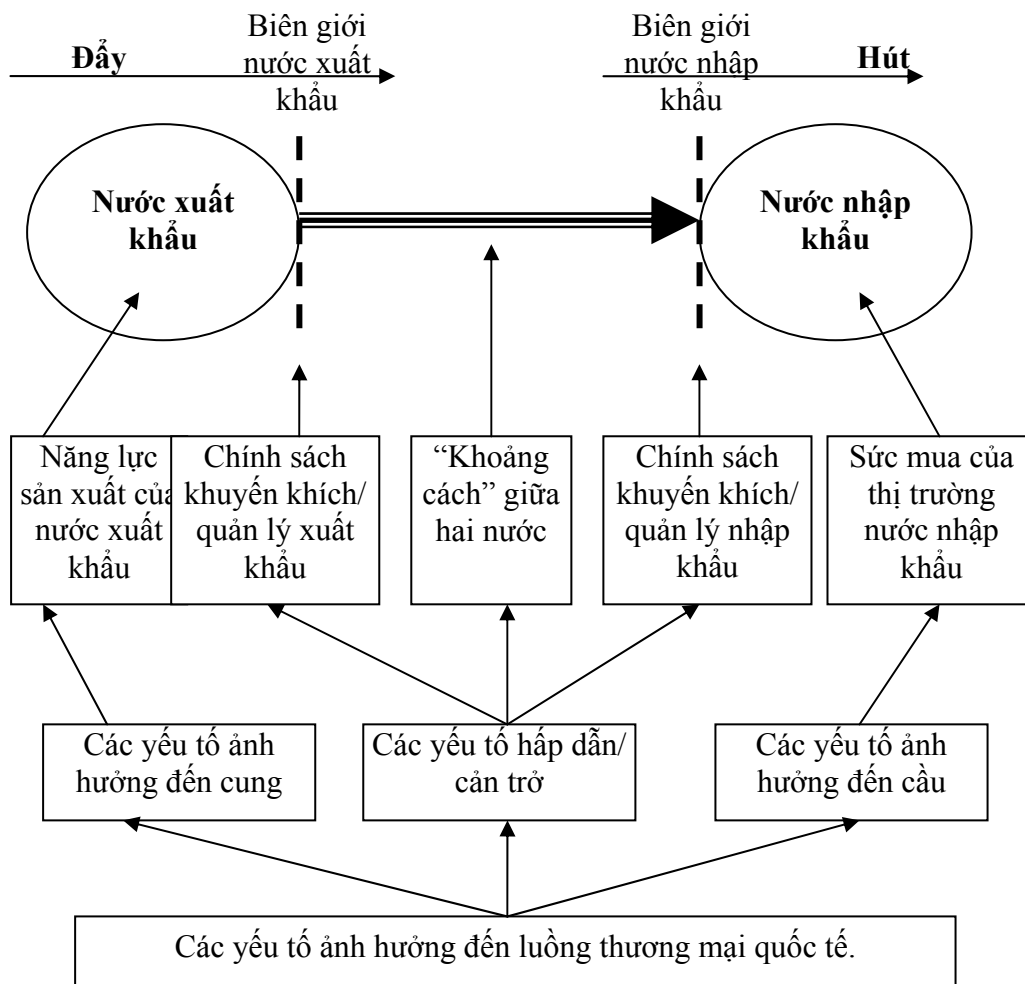
Mục lục

Tóm tắt.....	1
1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại.....	3
2. Mô hình mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với ASEAN+3 và các nhân tố ảnh hưởng.....	5
3. Mô hình mức độ tập trung xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam với ASEAN+3 và các nhân tố ảnh hưởng.....	7
4. Đánh giá chung về các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với ASEAN+3 và các hạn chế của mô hình.	10
Tài liệu tham khảo	11

1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại

Mức độ tập trung thương mại là sự tập trung của luồng thương mại hàng hóa đối với một thị trường nào đó. Bởi vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến luồng thương mại giữa hai quốc gia sẽ ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại. Có khá nhiều nghiên cứu đưa ra các mô hình giải thích luồng thương mại giữa hai quốc gia và các yếu tố ảnh hưởng. Trong đó mô hình hấp dẫn (gravity model) là mô hình kinh tế lượng thường được sử dụng để phân tích các yếu tố tác động đến luồng thương mại song phương. Mô hình này tương tự như định luật hấp dẫn trong vật lý.

Theo mô hình này, các yếu tố ảnh hưởng đến luồng thương mại được minh họa trong hình 1.



Hình 1: Mô hình hấp dẫn trong thương mại quốc tế

Nguồn: Các tác giả tổng hợp

Theo mô hình trọng lượng chuẩn tắc, thương mại giữa hai quốc gia sẽ tỷ lệ thuận với quy mô của 2 nền kinh tế và tỷ lệ nghịch với khoảng cách giữa 2 nước.

$$X_{ij} = \alpha GDP_i^{\beta_1} GDP_j^{\beta_2} POP_i^{\beta_3} POP_j^{\beta_4} DIS_{ij}^{\beta_5}$$

Trong đó: X_{ij} là kim ngạch xuất khẩu của nước i sang nước j

$GDP_{i,j}$ là tổng sản phẩm quốc nội của nước i, j

$POP_{i,j}$ là dân số của nước i, j

DIS_{ij} là khoảng cách giữa nước i và nước j

Các hệ số β thể hiện tác động của mỗi nhân tố đến kim ngạch xuất khẩu và đến cơ cấu thị trường. Ví dụ như nếu GDP của nước ngoài tăng 1% thì kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng β_2 %.

Như vậy, có thể thấy rằng, trong mô hình này cũng có xuất hiện đầy đủ 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến luồng thương mại:

Nhóm yếu tố ảnh hưởng đến cung bao gồm GDP và dân số của nước xuất khẩu. GDP của nước xuất khẩu bao gồm tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ được tạo ra trong lãnh thổ nước xuất khẩu. Khi hàng hóa được tạo ra càng nhiều thì khả năng xuất khẩu càng lớn. Bên cạnh đó, dân số của nước xuất khẩu cũng sẽ tỷ lệ thuận với số lượng và kim ngạch xuất khẩu. Dân số của mỗi quốc gia chính là một trong những nguồn lực quan trọng trong việc sản xuất ra nhiều hàng hóa xuất khẩu.

Ngược lại, *nhóm yếu tố ảnh hưởng đến cầu* bao gồm GDP và dân số nước nhập khẩu. GDP của nước nhập khẩu càng lớn thì khả năng sản xuất của quốc gia đó tăng, càng khó khăn cho việc xâm nhập của hàng nước ngoài. Dân số nước nhập khẩu sẽ tỷ lệ thuận với lượng xuất khẩu vì dân số càng lớn thì nhu cầu của quốc gia đó về hàng hóa càng nhiều.

Cả nhóm yếu tố cung và cầu đều không có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ tập trung thương mại. Chẳng hạn nếu GDP hay dân số của nước xuất khẩu tăng sẽ tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu sang tất cả các nước mà không gây ra tác động đặc biệt với bất kỳ thị trường nào cả. Tuy nhiên, một cách gián tiếp thì sự tương đồng về cơ cấu kinh tế hay thị hiếu tiêu dùng sẽ làm cho tác động cung và cầu có thể ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại. Ví dụ như GDP của nước xuất khẩu tăng những nước đó là nước nông nghiệp.

Điều này sẽ giúp cho lượng hàng hóa, ở đây chủ yếu là nông sản tăng lên. Rõ ràng, nó sẽ làm

tăng khả năng xuất khẩu sang những nước có nhu cầu về nông sản (các nước công nghiệp phát triển mà khó có khả năng tăng xuất khẩu sang các nước có cơ cấu kinh tế tương tự (nước nông nghiệp)).

Nhóm yếu tố hấp dẫn hay cản trở bao gồm chính sách của mỗi quốc gia trong việc khuyến khích/hay cản trở luồng hàng của nước đối tác và khoảng cách về mặt địa lý giữa hai quốc gia. Tuy nhiên, yếu tố về khoảng cách địa lý, ảnh hưởng đến cước phí vận chuyển giữa hai quốc gia thường khó thay đổi nhưng lại có ảnh hưởng lớn đến mức độ tập trung thương mại. Khoảng cách gần, chi phí vận chuyển thấp sẽ tạo điều kiện cho việc xuất khẩu hàng hóa. Đây chính là lý do dẫn đến việc mọi quốc gia đều rất quan tâm đến các nước láng giềng trong khu vực.

Chính sách của mỗi chính phủ cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại. Một số biện pháp khuyến khích xuất khẩu của chính phủ sẽ không chỉ đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu mà còn tác động đến mức độ tập trung thương mại. Chẳng hạn, việc Việt Nam thành lập Trung tâm giới thiệu sản phẩm tại Dubai sẽ hướng hoạt động xuất khẩu tập trung vào các nước Trung Đông. Bên cạnh đó, chính sách của các nước đối tác nhập khẩu cũng ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại. Đối với Việt Nam, hàng hóa xuất khẩu sang các nước thành viên ASEAN được hưởng thuế suất CEPT/AFTA trong khi phải chịu thuế suất MFN tại các thị trường khác. Trong nhiều trường hợp, mức chênh lệch giữa các loại thuế suất là đáng kể, làm cho hàng xuất khẩu của Việt Nam bị “hút” vào thị trường các nước ASEAN, gây ra sự tập trung thương mại đối với khu vực này.

2. Mô hình mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với ASEAN+3 và các nhân tố ảnh hưởng

Dựa trên mô hình hấp dẫn chuẩn tắc và cách tiếp cận của cách tiếp cận của Frankel và Rose (1986), chúng tôi xây dựng mô hình đánh giá mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với ASEAN+3, trong đó, biên phụ thuộc T_{jt} là chỉ số mức độ tập trung thương mại giữa Việt Nam và nước j tại năm t ; các biến độc lập được đưa vào mô hình gồm GDP, GDP bình quân đầu người, khoảng cách địa lý và biến giả ASEAN. Phương trình hồi qui được diễn giải như sau:

$$\ln T_{jt} = \alpha + \beta_1 \ln(Y_{VN,t} * Y_{jt}) + \beta_2 \ln\left(\frac{Y_{VN,t}}{P_{VN,t}} \frac{Y_{jt}}{P_{jt}}\right) + \beta_3 \ln Dis tan ce$$

$$\beta_4 * ASEAN + \varepsilon_{jt} \tag{A}$$

Trong đó:

T_{jt} : chỉ số đo mức độ tập trung thương mại giữa Việt Nam và nước j tại năm t.

$Y_{VN,t}$: GDP của Việt Nam trong năm t.

Y_{jt} : GDP của nước j trong năm t

$\frac{Y_{VN,t}}{P_{VN,t}}$: GDP bình quân đầu người của Việt Nam trong năm t.

$\frac{Y_{jt}}{P_{jt}}$: GDP bình quân đầu người của nước j trong năm t.

ASEAN là biến giả, ASEAN = 1 nếu nước quan sát là thành viên của ASEAN, ASEAN = 0 nếu nước quan sát không phải là thành viên của ASEAN.

Kết quả chạy mô hình hấp dẫn chuẩn tắc trên như sau:

$$\ln T_{jt} = -11.2834 + 0.299 * \ln(Y_{VN,t} * Y_{jt}) + 3.7 * 10^{-6} * \ln\left(\frac{Y_{VN,t}}{P_{VN,t}} \frac{Y_{jt}}{P_{jt}}\right) + 0.122 * \ln Dis\ tan\ ce - 0.085 * ASEAN$$

Se	1.542	.076	1.09e-06	.242	.259
(t-ratio)	(-7.32)	(3.93)	(3.36)	(0.50)	(-0.33)

$$R^2 = 0.7661$$

Kết quả hồi qui OLS cho thấy tác động của GDP và GDP bình quân đầu người giữa Việt Nam với một nước trong khu vực ASEAN + 3 có tác động dương đến mức độ tập trung thương mại giữa Việt Nam với nước đó. Cụ thể, nếu GDP tăng 1% thì mức độ tập trung thương mại sẽ tăng 0,3%, còn nếu GDP bình quân đầu người tăng 1% thì mức độ tập trung thương mại sẽ tăng 0,004%. Cả hai tác động này theo kết quả mô hình là đều có ý nghĩa về mặt thống kê. Kết quả này là phù hợp với cơ sở lý luận, vì khi GDP và GDP bình quân đầu người của các nước tăng lên thì khả năng cung cấp hàng hóa (GDP) và nhu cầu (GDP bình quân đầu người) sẽ tăng và tác động tích cực đến quan hệ thương mại song phương. Nếu so sánh mức độ thì có thể thấy tác động của GDP mạnh hơn của GDP/người. Điều này cho thấy, mức độ tập trung thương mại bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi yếu tố cung so với yếu tố cầu. Sự tăng trưởng kinh tế, sản xuất ra nhiều hàng hóa sẽ thúc đẩy xuất khẩu tăng mạnh, ngược lại,

GDP bình quân đầu người tăng sẽ làm tăng nhu cầu về hàng hóa nhập khẩu nhưng ở mức độ thấp hơn. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể là do chính sách thương mại quốc tế của các nước. Đối với xuất khẩu, các nước hausa như không có, hoặc rất ít hạn chế nhưng đối với nhập khẩu thì các nước luôn có những chính sách điều tiết quản lý nhập khẩu. Chính những tác động này đã làm suy yếu tác động của gia tăng cầu đến mức độ tập trung thương mại.

Biển khoảng cách lại có tác động dương, có nghĩa là khoảng cách giữa Việt nam và nước đối tác càng lớn thì quan hệ thương mại song phương càng có xu hướng gia tăng. Điều này dường như không phù hợp với mô hình trọng lượng lý thuyết vì khoảng cách lớn sẽ đòi hỏi chi phí vận tải cao, nên có tác dụng hạn chế thương mại. Nguyên nhân là do biển khoảng cách trong mô hình được lấy theo khoảng cách địa lý nhưng trên thực tế vận chuyển hàng hóa chủ yếu bằng đường biển nên kết quả biển khoảng cách không được như kỳ vọng. Tuy nhiên theo kết quả mô hình thì tác động này lại không có ý nghĩa về mặt thống kê. Một yếu tố nữa đối với biển khoảng cách cho thấy trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thì khoảng cách không còn là trở ngại lớn đối với việc nâng cao tập trung thương mại giữa Việt Nam với các nước trong khu vực ASEAN.

Biển ASEAN mang dấu âm hàm ý rằng trong thời kỳ này mức độ tập trung thương mại vào các nước Đông á mạnh hơn là vào các nước Đông Nam á. Tuy nhiên kết quả mô hình cũng chỉ ra rằng hệ số của biển ASEAN là không có ý nghĩa về mặt thống kê. Hay nói một cách, việc nước đối tác là thành viên của ASEAN không những không có tác động tích cực mà có thể có tác động tiêu cực đến kim ngạch thương mại song phương. Kết quả này cũng phù hợp với những nghiên cứu trước đây khi cho rằng hiệu quả của việc gia nhập ASEAN đối với Việt Nam là không lớn. Chẳng hạn, ASEAN tạo ra tác động chệch hướng thương mại (trade diversion) nhiều hơn tác động hình thành thương mại (trade creation).

3. Mô hình mức độ tập trung xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam với ASEAN+3 và các nhân tố ảnh hưởng

Để hiểu rõ hơn về mức độ tập trung thương mại, chúng tôi xây dựng mô hình đánh giá mức độ tập trung xuất khẩu và mức độ tập trung nhập khẩu riêng biệt. Nguyên lý của các mô hình này tương tự như đối với mô hình mức độ tập trung thương mại ở trên. Phương trình hồi quy đối với hai mô hình này như sau:

$$\ln Exp_{jt} = \delta + \eta_1 \ln(Y_{VN,t} * Y_{jt}) + \eta_2 \ln\left(\frac{Y_{VN,t}}{P_{VN,t}} \frac{Y_{jt}}{P_{jt}}\right) + \eta_3 \ln Dis\ tan\ ce + \eta_4 * ASEAN + \delta_{jt} \text{ và}$$

$$\ln \text{Im } p_{jt} = \chi + \mu_1 \ln(Y_{VN,t} * Y_{jt}) + \mu_2 \ln\left(\frac{Y_{VN,t}}{P_{VN,t}} \frac{Y_{jt}}{P_{jt}}\right) + \mu_3 \ln \text{Dis tan ce} + \mu_4 * \text{ASEAN} + \varphi_{jt}$$

Trong đó:

Exp_{jt} chỉ số đo mức độ tập trung xuất khẩu giữa Việt Nam và nước j tại năm t.

$\text{Im } p_{jt}$ chỉ số đo mức độ tập trung nhập khẩu giữa Việt Nam và nước j tại năm t

$Y_{VN,t}$: GDP của Việt Nam trong năm t.

Y_{jt} : GDP của nước j trong năm t

$\frac{Y_{VN,t}}{P_{VN,t}}$: GDP bình quân đầu người của Việt Nam trong năm t.

$\frac{Y_{jt}}{P_{jt}}$: GDP bình quân đầu người của nước j trong năm t.

ASEAN là biến giả, ASEAN = 1 nếu nước quan sát là thành viên của ASEAN, ASEAN = 0 nếu nước quan sát không phải là thành viên của ASEAN.

Kết quả chạy mô hình hấp dẫn chuẩn tắc trên như sau:

Kết quả mô hình hấp dẫn tập trung Xuất khẩu:

$$\ln Exp_{jt} = -11.55214 + 0.231 \ln(Y_{VN,t} * Y_{jt}) + 3.1 * 10^{-6} \ln\left(\frac{Y_{VN,t}}{P_{VN,t}} \frac{Y_{jt}}{P_{jt}}\right) + 0.377 \ln \text{Dis tan ce} + 0.132 * \text{ASEAN}$$

Se	1.292	.064	9.14e-06	.203	.217
(t-ratio)	(-8.94)	(3.63)	(3.38)	(1.86)	(-0.61)

$$R^2 = 0.7808$$

Kết quả mô hình hấp dẫn tập trung nhập khẩu:

$$\ln \text{Im } p_{jt} = -11.26474 + 0.425 \ln(Y_{VN,t} * Y_{jt}) + 4.8 * 10^{-6} \ln\left(\frac{Y_{VN,t}}{P_{VN,t}} \frac{Y_{jt}}{P_{jt}}\right) - 0.330 \ln \text{Dis tan ce} - 0.243 * \text{ASEAN}$$

Se	2.532	.125	1.79e-06	.397	.425
----	-------	------	----------	------	------

(t-ratio) (-4.45) (3.40) (2.67) (-0.83) (-0.57)

$$R^2 = 0.633$$

Kết quả hồi qui OLS cho thấy tác động của GDP và GDP bình quân đầu người giữa Việt Nam với một nước trong khu vực ASEAN + 3 có tác động dương đến cả mức độ tập trung xuất khẩu và tập trung nhập khẩu giữa Việt Nam với nước đó. Cả hai tác động này theo kết quả mô hình là đều có ý nghĩa về mặt thống kê. Tuy nhiên, nếu so sánh hệ số này giữa 3 phương trình hồi quy, có thể nhận thấy rằng hệ số của phương trình nhập khẩu có giá trị lớn hơn (0.42) so với xuất khẩu (0.23) và thương mại nói chung (0.29). Điều này cho thấy tăng trưởng kinh tế có tác động đến nhập khẩu mạnh hơn đến xuất khẩu. Nếu nhu GDP tăng 1% thì nhập khẩu sẽ tăng 0.43% trong khi xuất khẩu chỉ tăng 0.23%. Nguyên nhân của việc này có thể do sự chênh lệch về độ trễ giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Nếu kinh tế tăng trưởng thì ngay lập tức sẽ dẫn đến nhu cầu nhập khẩu các loại nguyên vật liệu, máy móc hay đầu vào cho sản xuất. Trong khi đó, khả năng xuất khẩu chỉ có thể được cải thiện sau khi tăng trưởng kinh tế diễn ra trong một thời gian nhất định. Hay nói cách khác, tác động của tăng trưởng kinh tế đến xuất khẩu có độ trễ về mặt thời gian lớn hơn so với tác động đến nhập khẩu.

Tương tự như vậy, nếu GDP bình quân đầu người tăng 1% thì mức độ tập trung xuất khẩu sẽ tăng 0,0031% trong khi mức độ tập trung nhập khẩu tăng 0,0048%. Như vậy, tác động đến nhập khẩu cũng lớn hơn đến xuất khẩu.

Biến khoảng cách có dấu trái ngược trong các mô hình hồi quy. Nếu như khoảng cách có tác động nghịch đến mức độ tập trung nhập khẩu thì lại có tác động tích cực đến mức độ tập trung xuất khẩu. Điều này có thể giải thích do tập quán của các doanh nghiệp Việt Nam thường xuất khẩu theo điều kiện FOB và nhập khẩu theo điều kiện CIF. Do được cộng vào giá CIF nên khoảng cách xa sẽ làm tăng chi phí vận chuyển và trở thành một trở ngại đối với sự gia tăng nhập khẩu. Ngược lại, khi xuất khẩu FOB thì chi phí vận chuyển do người mua chịu và không phải là một cản trở trực tiếp đến luồng hàng xuất khẩu, nên ít (hoặc có tác động dương) đến mức độ tập trung xuất khẩu.

Biến ASEAN mang dấu dương trong mô hình tập trung xuất khẩu và dấu âm trong mô hình tập trung nhập khẩu. Điều này thể hiện rằng việc gia nhập ASEAN giúp gia tăng xuất khẩu sang ASEAN nhưng lại làm giảm nhập khẩu từ ASEAN trong tương quan với 3 nước Đông á. Việc này trái với nhiều nghiên cứu trước đây khi cho rằng, trong những năm gia nhập ASEAN, nhập khẩu của Việt Nam từ ASEAN tăng mạnh hơn so với xuất khẩu sang khu vực này. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây chỉ phân tích số liệu tổng thể mà không đi vào tách

biệt ảnh hưởng của từng yếu tố đến xuất nhập khẩu với ASEAN. Bằng mô hình hấp dẫn này, tác động của việc gia nhập ASEAN đã được tách biệt với tác động của tăng trưởng kinh tế. Khi đó, tăng trưởng kinh tế đã làm tăng luồng nhập khẩu từ ASEAN và bù đắp cho những giảm sút do việc gia nhập ASEAN. Việc này làm cho mức độ tập trung nhập khẩu từ ASEAN tăng mạnh hơn mức độ tập trung xuất khẩu khi xét một cách tổng thể.

4. Đánh giá chung về các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với ASEAN+3 và các hạn chế của mô hình.

Từ kết quả của các mô hình trên, có thể rút ra một số nhận xét sau:

- (i) Mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với ASEAN+3 chủ yếu là do sự tăng trưởng kinh tế (bao gồm cả tăng GDP và GDP bình quân đầu người) của chính nước ta và của các nước đối tác;
- (ii) Sự tăng trưởng kinh tế có tác động đến nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu, thậm chí tác động đến nhập khẩu còn đủ mạnh để bù đắp cho tác động từ những yếu tố khác (tư cách thành viên ASEAN);
- (iii) Yếu tố khoảng cách đường như chỉ ảnh hưởng đến xuất khẩu mà không có ảnh hưởng lớn đến thương mại song phương của Việt Nam với ASEAN+3;
- (iv) Sự gia nhập và thực hiện các cam kết với ASEAN+3 của Việt Nam dường như chưa hiệu quả nên không có tác động lớn đến tăng trưởng thương mại của Việt Nam với các nước ASEAN;

Mô hình này vẫn còn có những hạn chế nhất định như vì không có số liệu chi tiết cho từng nhóm hàng nên chỉ có thể phân tích mức độ tập trung thương mại tổng hợp mà không phân tích mức độ tập trung thương mại theo từng ngành.

Bên cạnh đó, do hạn chế về thời gian và số liệu nên nhóm tác giả chưa bổ sung được các nhân tố khác vào mô hình (hiện tại R2 chỉ ở mức 63%, 76% và 78%). Điều đó cho thấy, vẫn còn có những yếu tố khác ảnh hưởng nhất định đến mức độ tập trung thương mại của Việt Nam với ASEAN+3. Trong đó, những yếu tố này ảnh hưởng tới 37% sự biến động của mức độ tập trung nhập khẩu. Do hạn chế về số liệu nên nhóm tác giả đã không thể bổ sung thêm các biến độc lập khác vào mô hình để tăng thêm R2. Đây sẽ là các hướng nghiên cứu tiếp theo trên cơ sở bổ sung số liệu.

Tài liệu tham khảo

Heungchong KIM (2002), Has Trade Intensity in ASEAN + 3 really increase? – Evidence from a Gravity Analysis, KIEP Working Paper 02-12, Korea Institute for International Economic Policy

Siah Kim LAN, Yusop ZULKORNAIN and Law Siong HOOK (2006), *China and ASEAN-5 Bilateral Trade Relationship*, Sunway Academic Journal 4, pp 85 – 98.

Nguyễn Văn Hồng và Đào Ngọc Tiến (2008), *Mức độ tập trung thương mại của Việt Nam và ASEAN+3*, Tạp chí Kinh tế Đối Ngoại, tháng 11 năm 2008.

Số liệu thống kê Hàng Hóa xuất nhập khẩu 1998-2005 của Tổng Cục Hải Quan.



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH

LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (CEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà nội

Địa chỉ:

Phòng 704, Nhà E4,
144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy
Hà nội, Việt nam

Tel: (84) 4 3754 7506/ext 704 -714

Fax: (84) 4 3704 9921

Email: Info@cepr.org.vn

Website: www.cepr.org.vn